TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 453/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2023
V/v "Tranh chấp ly hôn".

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Diễm Trinh.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Bình T

2. Bà Huỳnh Thị Phượng

Thư ký phiên tòa: Bà **Bùi Hồng Duyên** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Phúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 274/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 460/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 344/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Trần Thị T**, sinh năm xxxx (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

* Bị đơn: **Dương Đức L**, sinh năm: xxxx (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Ttrình bày: Chị Tvà anh L do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng kí kết hôn. Sau khi cưới anh chị sống chung với gia đình anh L được một tháng thì cha mẹ chồng cho đất cất nhà ở riêng cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 12 năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh L đi biển về có tiền sinh tật ăn nhậu, cờ bạc, chị Tvà gia đình nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh L vẫn không thay đổi, nhưng vì các con còn nhỏ nên chị Tcố gắng chịu đựng và cố gắng khuyên nhủ anh L nhưng anh L vẫn không thay đổi, chị Tquá sức chịu đựng, anh L đã bỏ nhà đi từ tháng 4 năm

2023 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh L.

Về con chung: Có 04 con chung tên Dương Thị Ngọc H, sinh ngày xx/x/xxxx, Dương Ngọc T1, sinh ngày xx/x/xxxx, Dương Ngọc P, sinh ngày xx/x/xxxx và Dương Thị Ngọc A, sinh ngày xx/x/xxxx, hiện nay các con đang sống chung với chị T. Ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu A, các cháu H, T1 và P đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có

* Anh Dương Đức L là bị đơn vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay, anh Dương Đức L cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của anh Dương Đức L đối với yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị T cho Tòa án nên không có lời trình bày của anh Dương Đức L.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án,Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị T, cho chị Trần Thị T được ly hôn với anh Dương Đức L. Về con chung: Giao 01 con chung tên Dương Thị Ngọc A, sinh ngày 25/12/2014 cho chị Trần Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng, anh Dương Đức L không cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị T1 không có yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trần Thị T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Dương Đức L, sinh năm xxxx, ngụ tại ấp B, xã T, huyện G nên đây là quan hệ "*Tranh chấp ly hôn"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Bị đơn anh Dương Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng anh Dương Đức L vẫn vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng và cũng không gửi văn bản thể hiện ý kiến của anh Dương Đức L đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Dương Đức L.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Dương Đức L có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị T, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh L đi biển về có tiền sinh tật ăn nhậu, cờ bạc, chị T và gia đình nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh L vẫn không thay đổi, nhưng vì các con còn nhỏ nên chị T cố gắng chịu đựng và cố gắng khuyên nhủ anh L nhưng anh L vẫn không thay đổi, chị T quá sức chịu đựng, anh L đã bỏ nhà đi từ tháng 4 năm 2023 cho đến nay, tình cảm vợ chồng không còn nên chị T yêu cầu ly hôn với anh L. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thông báo cho anh L biết nội dung yêu cầu ly hôn của chị T, tuy nhiên anh L vẫn không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị T, để mặc cho chị với yêu cầu ly hôn mà vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, anh L không quan tâm đến kết quả giải quyết đối với quan hệ hôn nhân của anh và chị T. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T với anh L là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 04 con chung tên Dương Thị Ngọc H, sinh ngày **xx/x/xxxx**, Dương Ngọc T1, sinh ngày **xx/x/xxxx**, Dương Ngọc P, sinh ngày **xx/x/xxxx** và Dương Thị Ngọc A, sinh ngày **xx/x/xxxx**. Ly hôn, chị Tyêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Dương Thị Ngọc A, sinh ngày **xx/x/xxxx**, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi cháu Ánh; các cháu Dương Thị Ngọc H, Dương Ngọc T, Dương Ngọc P đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Theo nguyện vọng của cháu A mong muốn được sống chung với mẹ, nhằm tránh sự xáo trộn trong cuộc sống của con chung, hơn nữa cháu Ánh là con gái rất cần có sự chăm sóc, chỉ dạy của người mẹ trong quá trình phát triển bình thường của người phụ nữ nên cần giao cho chị Trần Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Dương Thị Ngọc A, sinh ngày **xx/x/xxxx** là có cơ sở được chấp nhận.

Về cấp dưỡng: Do Trần Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không có yêu cầu anh Dương Đức L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Chị Trần Thị T có yêu cầu ly hôn nên chị Trần Thị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[3.5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[4] Về đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

1.Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Dương Đức L được ly hôn.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Dương Thị Ngọc A, sinh ngày **xx/x/xxxx**, anh Dương Đức L không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Trần Thị T không có yêu cầu.

Anh Dương Đức L được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0028889 ngày 14/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án và anh Dương Đức L được quyền kháng cáo bản trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- VKSND H.GCĐ;
- CC.THADS H.GCĐ;
- UBND xã Tân Điền, H.GCĐ;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh